

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số** 0103014996 ngày 13 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

**Giấy phép Hoạt động
Kinh doanh
Chứng khoán số** 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006
67/UBCK-GP ngày 24 tháng 8 năm 2007
92/UBCK-GPDCCTCK ngày 5 tháng 12 năm 2007

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch
Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch
Ông Trần Quốc Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông Phan Thanh Diện	Thành viên
Ông Trần Vũ Hoài	Thành viên

Ban Giám đốc Ông Nguyễn Trường Giang Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính tại Hà Nội 535 Kim Mã, Quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam

**Chi nhánh tại
Thành phố Hồ Chí Minh** 63 Võ Văn Tần, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 7 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.


Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-02-091




Nguyễn Thùy Dương
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Hiếu
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		399.524.278	342.679.145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	144.588.312	182.185.843
Tiền mặt tại quỹ	111		691.946	668.767
Các khoản tương đương tiền	112		143.896.366	181.517.076
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	218.659.563	130.878.574
Đầu tư ngắn hạn	121		224.138.944	172.367.700
<i>Chứng khoán thương mại</i>			<i>181.138.944</i>	<i>172.367.700</i>
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>			<i>43.000.000</i>	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.479.381)	(41.489.126)
III. Các khoản phải thu – ngắn hạn	130		34.571.606	26.739.557
Phải thu của khách hàng	131		1.193.530	2.768.883
Trả trước cho người bán	132		82.524	483.760
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		40.709	17.968
Các khoản phải thu khác	138	6	65.160.731	51.971.867
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(31.905.888)	(28.502.921)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.704.797	2.875.171
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		861.095	2.271.204
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.558	126.847
Tài sản ngắn hạn khác	158		790.144	477.120
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		221.615.910	206.138.892
II. Tài sản cố định	220		6.717.394	7.822.429
Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.665.095	4.506.508
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>16.759.197</i>	<i>16.318.975</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(13.094.102)</i>	<i>(11.812.467)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	9	3.034.789	3.277.400
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>6.320.225</i>	<i>6.080.225</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(3.285.436)</i>	<i>(2.802.825)</i>
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		17.510	38.521
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	206.527.160	193.759.286
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		208.215.640	195.447.766
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		<i>198.641.919</i>	<i>195.447.766</i>
<i>Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		<i>9.573.721</i>	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.688.480)	(1.688.480)
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.371.356	4.557.177
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	261	10	2.273.535	2.273.535
Chi phí trả trước dài hạn	262		119.293	259.222
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	263	11	4.323.901	422.120
Tài sản dài hạn khác	268	12	1.654.627	1.602.300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		621.140.188	548.818.037

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		158.291.513	120.971.558
I. Nợ ngắn hạn	310		74.457.146	37.197.450
Phải trả người bán	312		5.039.865	4.985.845
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	5.061.223	8.328.766
Phải trả người lao động	315		465.967	6.664.891
Chi phí phải trả	316	14	3.939.332	208.591
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	15	55.925.159	15.134.559
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		519.622	141.375
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.175.060	222.620
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	1.330.918	1.510.803
II. Nợ dài hạn	330		83.834.367	83.774.108
Vay và nợ dài hạn	334	17	83.312.000	83.312.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	11	3.511	8.024
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		518.856	454.084
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		462.848.675	427.846.479
I. Vốn chủ sở hữu	410		462.848.675	427.846.479
Vốn cổ phần	411	18	430.000.000	430.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		(35.631.190)	(35.631.190)
Quỹ dự phòng tài chính	418		7.097.176	7.097.176
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		7.097.176	7.097.176
Lợi nhuận chưa phân phối	420		54.285.513	19.283.317
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		621.140.188	548.818.037

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
5. Ngoại tệ các loại	005	2.461.842	5.597.482
6. Chứng khoán lưu ký	006	515.027.610	398.499.330
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	454.634.010	336.631.600
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	56.761.140	39.706.260
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	397.302.890	296.754.300
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	569.980	171.040
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	266.140	196.140
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	266.140	196.140
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	49.000.000	52.200.370
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	49.000.000	44.500.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	7.700.370
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	10.737.900	8.970.900
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	2.853.100
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	10.737.900	6.117.800
6.7 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	037	389.560	500.320
6.7.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký trong nước	038	219.810	30
6.7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	039	169.750	500.290

Người lập:



Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Trường Giang
Giám đốc

30 -07- 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000 (trình bày lại)
Doanh thu	01		76.052.392	86.169.838
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	19	42.890.453	2.724.936
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01.2	20	18.754.022	26.236.192
Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	5.258.734
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		3.273	3.818
Doanh thu khác	01.9	21	14.404.644	51.946.158
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		76.052.392	86.169.838
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	22	(29.333.344)	(87.534.701)
Lợi nhuận/(lỗ) gộp từ hoạt động kinh doanh	20		46.719.048	(1.364.863)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	(6.507.077)	(8.577.528)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.211.971	(9.942.391)
Thu nhập khác	31		3.411	3.441
Chi phí khác	32		-	(1)
Lợi nhuận khác	40		3.411	3.440
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		40.215.382	(9.938.951)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	51	24	(7.104.042)	-
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	52	24	3.906.294	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.017.634	(9.938.951)
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	70	25	957	(249)

Người lập:



Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Trương Giang
Giám đốc

30-07-2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Vốn cổ phần VND'000	Cổ phiếu quỹ VND'000	Quỹ dự phòng tài chính VND'000	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư tại ngày 1/1/2011	430.000.000	(26.109.652)	5.081.736	5.081.736	41.055.406	455.109.226
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(9.938.951)	(9.938.951)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(3.899.193)	-	-	-	(3.899.193)
Số dư tại ngày 30/6/2011	430.000.000	(30.008.845)	5.081.736	5.081.736	31.116.455	441.271.082
Số dư tại ngày 1/1/2012	430.000.000	(35.631.190)	7.097.176	7.097.176	19.283.317	427.846.479
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	37.017.634	37.017.634
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.015.438)	(2.015.438)
Số dư tại ngày 30/6/2012	430.000.000	(35.631.190)	7.097.176	7.097.176	54.285.513	462.848.675

Người lập:



Lê Quang Tiến
 Kế toán trưởng



30-07-2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**

	Mã số	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000 (trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	40.215.382	(9.938.951)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	1.775.094	4.433.390
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	03	(32.606.778)	2.788.330
Thu nhập lãi trái phiếu		(3.888.989)	(8.809.127)
Lỗ thuần từ thanh lý các khoản đầu tư	05	28.308.272	10.040.377
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	05	(17.805.653)	(61.069.674)
Chi phí lãi vay	06	2.958.748	52.521.170
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	18.956.076	(10.034.485)
Biến động các khoản phải thu và tài sản lưu động khác	09	(13.939.441)	11.768.348
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	621.411	(17.643.848)
		5.638.046	(15.909.985)
Chi phí lãi vay đã trả	13	(2.954.567)	(54.742.680)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.631.357)	-
Tiền thuần chi cho các hoạt động kinh doanh	20	(5.947.878)	(70.652.665)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21	(691.070)	(176.304)
Tiền chi mua đầu tư chứng khoán	23	(524.984.636)	(173.704.098)
Cho vay và giải ngân cho các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán		(78.000.000)	(426.809.170)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	24	510.137.246	679.853.356
Lãi trái phiếu nhận được	27	5.447.833	8.790.697
Thu nhập lãi trái phiếu đã nhận		20.230.223	61.430.527
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động đầu tư	30	(67.860.404)	149.385.008

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012****(tiếp theo)**

	Mã số	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000 (trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi cho mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(3.899.193)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	82.472.000
Tiền chi trả khoản vay ngắn hạn	34	-	(87.000.000)
Trả cổ tức cho cổ đông	36	(224.250)	-
Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính	40	(224.250)	(8.427.193)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(74.032.532)	70.305.150
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	166.395.362	69.733.485
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh 3)	70	92.362.830	140.038.635

Người lập:

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Trường Giang
Giám đốc

30 -07- 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động môi giới chứng khoán, hoạt động tự doanh chứng khoán và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 75 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 74 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") làm tròn đến hàng nghìn, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới để phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 210 trong báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và đánh giá lại cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(f) Chứng khoán tự doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích tự doanh là chứng khoán tự doanh.

Chứng khoán đầu tư dài hạn là những chứng khoán vốn chưa niêm yết và trái phiếu được nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào (chứng khoán sẵn sàng để bán) hoặc giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

(iii) Hạch toán

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và được lập theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính dựa trên giá thị trường. Trong trường hợp không có thông tin về giá thị trường, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán sẽ được ban lãnh đạo quyết định bằng kỹ thuật đánh giá. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập khoản dự phòng.

Giá vốn của chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(iv) Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”).

Theo Thông tư 228, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Chứng khoán mua theo các hợp đồng để bán lại (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán cho cùng một đối tượng) không được báo cáo là các khoản mua chứng khoán mà là các khoản phải thu và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo nguyên giá được phân bổ. Tiền lãi thu từ các hợp đồng này được ghi nhận vào thu nhập tiền lãi dựa theo kỳ hạn của mỗi hợp đồng trên cơ sở dồn tích.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- đồ đạc 3 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm
- dụng cụ văn phòng 2 – 5 năm
- tài sản khác 3 năm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 5 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(k) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý và ngầm định mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(n) Các quỹ dự trữ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế nhằm mục đích bổ sung vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính và hoạt động được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Quỹ này cùng với quỹ bổ sung vốn cổ phần được luật pháp quy định và không được phân chia.

Các quỹ dự trữ này được phân bổ vào thời điểm cuối năm.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(ii) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Thu nhập tiền lãi từ trái phiếu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại các ngân hàng và các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán cho cùng một đối tượng. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ mà các chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

(r) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu này được phân loại là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ tổng vốn chủ sở hữu. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

(s) Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân bổ lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần:	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn cổ phần
Quỹ dự trữ trên được tính dựa trên lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là để bổ sung vốn cổ phần.		
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự trữ này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được quy định trích vào thời điểm cuối năm và không được phân phối.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000
Tiền mặt tại quỹ	691.946	668.767
- <i>Của Công ty chứng khoán</i>	<i>691.946</i>	<i>668.767</i>
Tiền gửi ngân hàng	143.896.366	181.517.076
- <i>Của Công ty chứng khoán</i>	<i>91.670.884</i>	<i>165.726.595</i>
- <i>Giữ hộ nhà đầu tư</i>	<i>52.225.482</i>	<i>15.790.481</i>
	<hr/>	<hr/>
	144.588.312	182.185.843
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có số ngoại tệ trị giá 2.461.842 nghìn VND (31/12/2011: 5.597.482 nghìn VND).

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện

	Khối lượng	Giá trị khối lượng
	giao dịch thực hiện	giao dịch thực hiện
	từ 1/1/2012	từ 1/1/2012
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2012
		VND'000
a) <i>Của Công ty chứng khoán</i>	25.111.299	816.654.832
<i>Cổ phiếu</i>	<i>23.646.369</i>	<i>807.107.806</i>
<i>Trái phiếu</i>	<i>1.464.930</i>	<i>9.547.026</i>
b) <i>Của nhà đầu tư</i>	187.880.236	2.324.467.690
<i>Cổ phiếu</i>	<i>187.137.976</i>	<i>2.300.879.962</i>
<i>Trái phiếu</i>	<i>180.000</i>	<i>20.440.380</i>
<i>Chứng khoán khác</i>	<i>562.260</i>	<i>3.147.348</i>
	<hr/>	<hr/>
	212.991.535	3.141.122.522
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

5. Đầu tư tài chính

(i) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn như sau:

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Chứng khoán thương mại	181.138.944	172.367.700
Đầu tư ngắn hạn khác	43.000.000	-
	<hr/> 224.138.944	<hr/> 172.367.700
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(5.479.381)	(41.489.126)
	<hr/> 218.659.563	<hr/> 130.878.574

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	41.489.126	16.381.672
Tăng dự phòng trong kỳ	3.621.907	3.305.623
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(39.631.652)	-
	<hr/> 5.479.381	<hr/> 19.687.295

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000
Chứng khoán sẵn sàng để bán	198.641.919	195.447.766
Chứng khoán nắm giữ tới ngày đáo hạn	9.573.721	-
	<hr/>	<hr/>
	208.215.640	195.447.766
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.688.480)	(1.688.480)
	<hr/>	<hr/>
	206.527.160	193.759.286
	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ	Giai đoạn từ
	1/1/2012 đến	1/1/2011 đến
	30/6/2012	30/6/2011
	VND'000	VND'000
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.688.480	1.688.480
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư được năm giữ bởi Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 1 tháng 1 năm 2012 như sau:

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng		So với giá trị trường (Giảm)		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
I. Chứng khoán thương mại	6.186.004	5.127.922	181.138.944	172.367.700	3.220.366	1.008.117	(5.479.384)	(41.489.126)	178.879.926	131.886.691
Cổ phiếu niêm yết	5.786.004	4.727.922	136.907.304	128.136.060	3.220.366	1.008.117	(5.479.384)	(41.489.126)	134.648.286	87.655.051
Trái phiếu	400.000	400.000	44.231.640	44.231.640	-	-	-	-	44.231.640	44.231.640
II. Chứng khoán đầu tư	10.182.930	9.762.060	208.215.640	195.447.766	-	-	(1.688.480)	(1.688.480)	206.527.160	193.759.286
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>10.092.930</i>	<i>9.762.060</i>	<i>198.641.919</i>	<i>195.447.766</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(1.688.480)</i>	<i>(1.688.480)</i>	<i>196.953.439</i>	<i>193.759.286</i>
Cổ phiếu	10.089.830	9.758.960	161.537.460	158.343.307	-	-	(1.688.480)	(1.688.480)	159.848.980	156.654.827
Trái phiếu	3.100	3.100	37.104.459	37.104.459	-	-	-	-	37.104.459	37.104.459
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	90.000	-	9.573.721	-	-	-	-	-	9.573.721	-
Trái phiếu	90.000	-	9.573.721	-	-	-	-	-	9.573.721	-
III. Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	43.000.000	-	-	-	-	-	43.000.000	-
Cho vay	-	-	43.000.000	-	-	-	-	-	43.000.000	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	30/6/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000
Ứng trước cho nhà đầu tư	53.790.587	36.713.423
Phải thu về cổ tức	2.855.494	5.366.624
Lãi phải thu	8.418.562	9.890.845
Phải thu khác	96.088	975
	<hr/>	<hr/>
	65.160.731	51.971.867
	<hr/>	<hr/>

7. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn từ	Giai đoạn từ
	1/1/2012 đến	1/1/2011 đến
	30/6/2012	30/6/2011
	VND'000	VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	28.502.921	517.293
Trích lập dự phòng trong kỳ	5.603.908	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.200.941)	(517.293)
	<hr/>	<hr/>
Số dư tại ngày 30 tháng 6	31.905.888	-
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Đồ đạc VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Dụng cụ văn phòng VND'000	Tài sản khác VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1/1/2012	1.101.391	641.122	14.435.007	141.455	16.318.975
Tăng trong kỳ	-	-	451.070	-	451.070
Thanh lý	-	-	(10.848)	-	(10.848)
Số dư tại ngày 30/6/2012	1.101.391	641.122	14.875.229	141.455	16.759.197
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1/1/2012	1.101.391	418.511	10.151.110	141.455	11.812.467
Hao mòn trong kỳ	-	53.427	1.239.056	-	1.292.483
Thanh lý	-	-	(10.848)	-	(10.848)
Số dư tại ngày 30/6/2012	1.101.391	471.938	11.379.318	141.455	13.094.102
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1/1/2012	-	222.611	4.283.897	-	4.506.508
Số dư tại ngày 30/6/2012	-	169.184	3.495.911	-	3.665.095

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 6.548.679 nghìn VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 5.886.219 nghìn VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND'000
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 1/1/2012	6.080.225
Tăng trong kỳ	240.000
Số dư tại ngày 30/6/2012	6.320.225
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư tại ngày 1/1/2012	2.802.825
Hao mòn trong kỳ	482.611
Số dư tại ngày 30/6/2012	3.285.436
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 1/1/2012	3.277.400
Số dư tại ngày 30/6/2012	3.034.789

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.357.165 nghìn VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (31/12/2011: 2.357.165 nghìn VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo các Quyết định 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007, Quyết định 43/2010/QĐ-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính và Quyết định 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán của năm liền trước nhưng không quá 2 tỷ đồng/năm.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	2.273.535	1.303.378
Tăng trong kỳ	-	780.694
Số dư tại ngày 30 tháng 6	2.273.535	2.084.072

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận*

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	422.120	422.120
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	3.901.781	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lãi chênh lệch quy đổi tỷ giá chưa thực hiện	(3.511)	(8.024)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	4.320.390	414.096

(ii) *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận cho các khoản mục sau:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Lỗ tính thuế VND'000	Giá trị thuế VND'000	Lỗ tính thuế VND'000	Giá trị thuế VND'000
Lỗ tính thuế	6.027.379	1.506.845	6.027.379	1.506.845

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND'000
2015	Chưa quyết toán	6.027.379

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

12. Tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác bao gồm tiền đặt cọc thuê văn phòng và trả cho các dịch vụ khác của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Thuế thu nhập cá nhân	261.479	2.291.237
Thuế giá trị gia tăng	284.447	1.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.500.672	6.027.986
Thuế khác	14.625	7.945
	<hr/> 5.061.223	<hr/> 8.328.766

14. Chi phí phải trả

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Trích trước chi phí lương kinh doanh	3.852.062	125.502
Chi phí tiền lãi vay dự trả	87.270	83.089
	<hr/> 3.939.332	<hr/> 208.591

15. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là khoản tiền gửi ký quỹ nhằm mục đích thanh toán cho các giao dịch chứng khoán của khách hàng.

16. Các khoản phải trả khác

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	1.234.280	1.510.127
Phải trả khác	96.638	676
	<hr/> 1.330.918	<hr/> 1.510.803

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

17. Vay và nợ dài hạn

Mô tả	Lãi suất (năm)	Số dư đầu kỳ 1/1/2012 VND'000	Số vay trong kỳ VND'000	Số trả trong kỳ VND'000	Số dư cuối kỳ 30/6/2012 VND'000
<i>Vay đối tượng khác</i>					
▪ Công ty Tài chính Quốc tế (IFC)	Lãi suất thả nổi	83.312.000	-	-	83.312.000

Đây là khoản vay chuyển đổi dài hạn với Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), có kỳ hạn 3 năm và được thanh toán khi đến hạn với hạn mức tín dụng tối đa là 5 triệu USD (tương đương 104.140 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bởi trái phiếu kho bạc và cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt. Lãi suất được tính bằng tổng của LIBOR và chênh lệch lãi suất thích hợp vào ngày xác định lãi suất và được thay đổi 6 tháng một lần. Lãi được thanh toán vào ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm. Việc chuyển đổi từ khoản vay thành cổ phiếu là một sự kiện chưa chắc chắn trong tương lai và phụ thuộc vào sự thỏa thuận giữa hai bên.

(i) Phân tích thời gian đáo hạn và quản lý rủi ro thanh khoản

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán gốc cố định một lần duy nhất vào ngày đáo hạn của khoản vay là ngày 17 tháng 6 năm 2014, khoản thanh toán lãi được xác định cụ thể vào ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm.

(ii) Phân tích độ nhạy cảm với rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, 83.312 triệu VND phải trả dài hạn của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 833.120 nghìn VND lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

18. Vốn góp cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	43.000.000	430.000.000	43.000.000	430.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(4.300.000)	(35.631.190)	(4.300.000)	(35.631.190)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	38.700.000	394.368.810	38.700.000	394.368.810

Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu Công ty mua lại, toàn bộ các quyền đều bị treo cho đến khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

19. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Đây là doanh thu từ phí môi giới giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư. Phí giao dịch được tính với mức phí từ 0,15% đến 0,50% giá trị giao dịch của nhà đầu tư.

20. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000
Lãi từ kinh doanh cổ phiếu	9.626.231	7.053.357
Lãi từ kinh doanh trái phiếu	-	118.392
Thu nhập cổ tức (<i>Thuyết minh 24</i>)	5.238.802	10.255.316
Thu nhập lãi trái phiếu	3.888.989	8.809.127
	18.754.022	26.236.192

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

21. Doanh thu khác

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000
Thu nhập từ tiền lãi gửi ngân hàng	8.503.518	5.998.361
Thu nhập lãi từ cho vay các tổ chức kinh tế	2.911.458	-
Thu từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán	1.151.875	44.815.997
Thu nhập lãi từ các khoản ứng trước cho khách hàng	1.195.463	307.346
Các thu nhập khác	642.330	824.454
	<hr/>	<hr/>
	14.404.644	51.946.158
	<hr/>	<hr/>

22. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000 (trình bày lại)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	37.934.503	17.212.126
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	-	51.401.914
Chi phí lãi vay	2.958.748	1.119.256
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng các khoản phải thu	3.402.967	(517.293)
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(36.009.745)	3.305.623
Lương và các chi phí liên quan	10.686.065	5.656.795
Chi phí hao mòn tài sản cố định	1.464.032	2.241.238
Hoa hồng cho nhân viên môi giới	2.704.282	608.131
Chi phí thuê văn phòng	2.105.154	2.706.913
Chi phí giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội và Hồ Chí Minh	1.419.890	450.600
Chi phí khác	2.667.448	3.349.398
	<hr/>	<hr/>
	29.333.344	87.534.701
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000 (trình bày lại)
Lương và các chi phí liên quan	3.346.616	2.888.166
Chi phí vật liệu, công cụ và dụng cụ	127.439	90.376
Chi phí hao mòn tài sản cố định	311.062	2.192.152
Thuế và lệ phí	84.918	10.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.416.058	2.170.798
Chi phí khác	220.984	1.225.773
	<hr/> 6.507.077	<hr/> 8.577.528

24. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ báo cáo hiện tại	7.104.042	-
	<hr/> 7.104.042	<hr/> -
Lợi ích thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(3.906.294)	-
	<hr/> (3.906.294)	<hr/> -
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 3.197.748	<hr/> -

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	40.215.382	(9.938.951)
Thuế theo thuế suất của Công ty	10.053.846	(2.484.738)
Chi phí không được khấu trừ	30.813	103.705
Thu nhập được miễn thuế (*)	(1.309.701)	(3.697.275)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	-	6.078.308
Chi phí không được khấu trừ trong năm 2011 được hoàn nhập trong kỳ	(2.500.056)	-
Trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi vượt quá mức trích lập quy định theo Thông tư 228	824.627	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã thực hiện	4.513	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	7.104.042	-
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ	1.675.429	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ	(4.513)	-
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trong kỳ trước	(5.577.210)	-
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	(3.906.294)	-
	<u>3.197.748</u>	

(*) Đây là cổ tức nhận được do góp vốn đầu tư tại các đơn vị khác với tổng giá trị 5.238.802 nghìn VND (*Thuyết minh 20*) theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp (năm 2010: 10.255.316 nghìn VND (*Thuyết minh 20*)).

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được sửa đổi và phê duyệt bởi cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

25. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 tới ngày 30 tháng 6 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 37.017.634 nghìn VND (Số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 tới ngày 30 tháng 6 năm 2011: 9.938.951 nghìn VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 38.700.000 cổ phiếu (giai đoạn từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011: 39.977.611 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	37.017.634	(9.938.951)

(ii) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	38.700.000	40.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu giảm	-	(22.389)
Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ	38.700.000	39.977.611

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/06/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	957	(249)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

26. Biến động các khoản phải thu

Loại hình	1/1/2012 VND'000	Biến động		30/6/2012 VND'000
		Tăng VND'000	Giảm VND'000	
1. Phải thu của khách hàng	2.768.883	401.784.207	(403.359.560)	1.193.530
2. Ứng trước cho người bán	483.760	68.200	(469.436)	82.524
3. Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	17.968	3.548.092	(3.525.351)	40.709
4. Các khoản phải thu khác	51.971.867	1.162.890.540	(1.149.701.676)	65.160.731
5. Dự phòng phải thu khó đòi	(28.502.921)	(5.603.908)	2.200.941	(31.905.888)
	26.739.557	1.562.687.131	(1.554.855.082)	34.571.606

27. Quản lý rủi ro tài chính

Phần thuyết minh này trình bày chi tiết về mức độ rủi ro tài chính của Công ty và các phương pháp được Ban Giám đốc sử dụng để quản lý các rủi ro này. Rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Công ty gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác của một công cụ tài chính không thực hiện đúng các nghĩa vụ ghi trên hợp đồng. Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản thế chấp. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng độ tin cậy của khách hàng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay hỗ trợ thanh toán của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, rủi ro tín dụng của Công ty chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng (bao gồm lãi phải thu), tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán, và chứng khoán thương mại (chứng khoán nợ).

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, thời gian đáo hạn của các công nợ thể hiện thời gian còn lại của công nợ tài chính tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5	Tổng
	VND'000	năm	VND'000
		VND'000	VND'000
Ngày 30 tháng 6 năm 2012			
Phải trả người bán	5.039.865	-	5.039.865
Chi phí phải trả	3.939.332	-	3.939.332
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	55.925.159	-	55.925.159
Nợ dài hạn	-	83.312.000	83.312.000
	64.904.356	83.312.000	148.216.356

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có khoản nợ phải trả tiền tệ thuần như sau:

	USD (tương đương VND'000)
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.461.842
Vay dài hạn	(83.312.000)
	<hr/>
	(80.850.158)
	<hr/>

Rủi ro tiền tệ của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2012	30/6/2012
USD	20.828	20.828
	<hr/>	

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại 30 tháng 6 năm 2012 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại 30 tháng 6 năm 2012.

	Ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế cho giai đoạn kết thúc ngày 30/6/2012
USD (mạnh thêm 5%)	(4.042.508)
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận trước thuế của Công ty cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, rủi ro lãi suất của Công ty do sự thay đổi của lãi suất thị trường là rất nhỏ vì tài sản hưởng lãi và nợ phải trả chịu lãi có thời hạn là ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 134.648.286 nghìn đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 87.655.051 nghìn đồng).

28. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá giao dịch bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán. Nếu giá giao dịch không thể thu thập được, giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết được xác định bởi Ban giám đốc bằng cách sử dụng các phương pháp định giá thích hợp.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu xấp xỉ giá trị sổ sách của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	30/6/2012	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.588.312	144.588.312
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	181.138.944	-
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	136.907.304	136.907.304
<i>Trái phiếu</i>	44.231.640	*
Các khoản đầu tư khác	43.000.000	43.000.000
Các khoản phải thu	66.477.494	66.477.494
Đầu tư chứng khoán dài hạn	208.215.640	-
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	198.641.919	*
<i>Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn</i>	9.573.721	*
	643.420.390	
	643.420.390	
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	5.039.865	5.039.865
Chi phí phải trả	3.939.332	3.939.332
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	55.925.159	55.925.159
Nợ dài hạn	83.312.000	*
	148.216.356	
	148.216.356	

* Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

29. Các yếu tố mang tính thời vụ

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ các khoản mục sau:

(a) Tiền thưởng của nhân viên

Công ty chưa ghi nhận các khoản tiền thưởng cuối năm cho nhân viên vì khoản tiền thưởng này không thể ước tính được một cách đáng tin cậy vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(b) Thuế

Theo luật thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào thời điểm cuối năm. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 25% đối với thu nhập trước thuế của kỳ kết thúc giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(c) Quỹ dự trữ pháp định

Theo quyết định 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận như được trình bày tại thuyết minh số 2(s). Các quỹ này được yêu cầu trích lập vào cuối năm tài chính.

(d) Chi trả cổ tức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa có kế hoạch chi trả cổ tức.

30. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được điều chỉnh lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000 (trình bày lại)	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 VND'000 (theo báo cáo trước đây)
Chi phí hoạt động kinh doanh	87.534.701	88.051.994
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.577.528	8.060.235

Người lập:



Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Trường Giang
Giám đốc

30 -07- 2012